

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **92/2020/HNGĐ-ST**.

Ngày 30 - 6 - 2020.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Thanh.

Ông Phạm Văn Độ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Đ - Sinh năm: 1977

Địa chỉ: TDP Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Trần Thị H - Sinh năm: 1981

Địa chỉ: TDP Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Anh Đ có mặt, chị H được triệu tập đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 28/4/2020, bản tự khai nguyên đơn là anh Phạm Văn Đ trình bày:

Anh và chị Trần Thị H đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND xã T (nay là thị trấn N), huyện T, tỉnh Nam Định. Lúc đầu vợ chồng chung sống

bình thường, hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tháng 2 năm 2007 chị H tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Vợ chồng anh sống ly thân kể từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ nên anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 6 năm 2020, ông Trần Văn N là bố đẻ của chị Trần Thị H trình bày:

Ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án và có thông báo cho chị H biết việc anh Đ có đơn xin ly hôn với chị H. Chị H hiện đang đi làm ăn xa không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn nên ông N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: vợ chồng anh Đ, chị H không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Anh chị không nợ ai, không ai nợ anh chị.

Tại phiên tòa: Anh Đ vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị H. Về con chung, tài sản chung, công nợ: vợ chồng anh không có con chung, tài sản chung, công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 228; 233 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng anh Đ, chị H sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phạm Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét;

Về án phí: Anh Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho chị Trần Thị H nhưng chị H không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 228; 233 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Anh Phạm Văn Đ và chị Trần Thị H kết hôn năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là thị trấn N), huyện T, tỉnh Nam Định, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 2 năm 2007 phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, vợ chồng đã sống ly thân từ đó nay không ai quan tâm đến ai.

Sau khi anh Đ có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện cho chị H nhưng chị H không có mặt tại Tòa án để làm việc. Theo yêu cầu của anh Đ, TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành thu thập chứng cứ.

Tại biên bản lấy lời khai ông Trần Văn N là bố đẻ của chị Trần Thị H trình bày:

Ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án và có thông báo cho chị H biết việc anh Đ có đơn xin ly hôn với chị H. Do chị H đi làm ăn xa không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn nên ông N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Đ và chị H đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn. Sau khi anh Đ có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của anh Đ và nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị H nhưng chị H không đến Tòa án để làm việc không có lý do nên việc hòa giải không tiến hành được. Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa, anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị H đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ, việc anh Đ xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh Đ, chị H không có con chung nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết, Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án không thể hiện anh Đ, chị H có tài sản, khoản nợ chung nên HĐXX không xem xét. Chị H có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác

về tài sản, khoản nợ chung nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Anh Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa anh Phạm Văn Đ và chị Trần Thị H.

2. Án phí: Anh Phạm Văn Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001411 ngày 04/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Anh Đ đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Anh Phạm Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND thị trấn N;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà